

# ADAZOL®

Viên nén bao phim - Albendazol 400mg

## CÔNG THỨC:

Albendazol ..... 400 mg

Tá dược: Pregelatinized starch (Starch 1500); Lactose monohydrate; Natri lauryl sulfat; Povidon K90; Natri saccharin; Microcrystallin cellulose 101; Colloidal silica anhydrous (Aerosil 200); Natri starch glycolat; Magnesi stearat; Readilycoat white; Đỏ Ponceau 4R; Đỏ carmosine lake; Vàng Tartrazin lake.

## CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ:

### DƯỢC LỰC HỌC:

- Albendazol là một dẫn chất benzimidazol carbamat về cấu trúc có liên quan với mebendazol. Thuốc có phổ hoạt tính rộng trên các giun đường ruột như giun móc (*Ancylostoma duodenale*), giun mỏ (*Necator americanus*), giun đũa (*Ascaris lumbricoides*), giun kim (*Enterobius vermicularis*), giun lươn (*Strongyloides stercoralis*), giun tóc (*Trichuris trichiura*), giun Capillaria (*Capillaria philippinensis*); giun xoắn (*Trichinella spiralis*) và thể ấu trùng di trú ở cơ và da.

- Albendazol có hoạt tính trên cả giai đoạn trưởng thành và giai đoạn ấu trùng của các giun đường ruột và diệt được trứng của giun đũa và giun tóc. Dạng chuyển hóa chủ yếu của albendazol là albendazol sulfoxid vẫn còn tác dụng và giữ vị trí quan trọng về tác dụng dược lý của thuốc.

- Cơ chế tác dụng của albendazol cũng tương tự như các benzimidazol khác. Thuốc liên kết với các tiểu quản của ký sinh trùng, qua đó ức chế sự trùng hợp hóa các tiểu quản thành các vi tiểu quản của bào tương là những bào quan cần thiết cho hoạt động bình thường của tế bào ký sinh trùng.

### DƯỢC ĐỘNG HỌC:

- Ở người, sau khi uống, albendazol được hấp thu rất kém (5%). Hầu hết tác dụng chống giun xảy ra ở ruột. Để có tác dụng xảy ra ở mô, phải dùng liều cao và lâu dài.

- Do chuyển hóa bước một rất mạnh, nên không thấy albendazol hoặc chỉ thấy ở dạng vết trong huyết tương. Sau khi uống một liều duy nhất 400 mg albendazol, nồng độ đỉnh của chất chuyển hóa sulfoxid đạt được trong huyết tương khoảng 0,04 - 0,55 microgam/ml sau 1 đến 4 giờ. Khi dùng thuốc với thức ăn nhiều chất mỡ, nồng độ trong huyết tương tăng lên 2 - 4 lần. Có sự khác nhau lớn giữa các cá thể về nồng độ albendazol sulfoxid trong huyết tương. Đó có thể là do sự hấp thu thất thường và do sự khác nhau về tốc độ chuyển hóa thuốc.

- Albendazol sulfoxid liên kết với protein trong huyết tương tới 70%. Albendazol sulfoxid qua được hàng rào máu não và nồng độ trong dịch não - tủy bằng khoảng 1/3 nồng độ trong huyết tương.

- Albendazol bị oxy hóa nhanh và hoàn toàn, thành chất chuyển hóa vẫn còn có tác dụng là albendazol sulfoxid, sau đó lại bị chuyển hóa tiếp thành hợp chất không còn tác dụng là albendazol sulfon.

- Albendazol có nửa đời thải trừ khỏi huyết tương khoảng 9 giờ. Chất chuyển hóa sulfoxid được thải trừ qua thận cùng với chất chuyển hóa sulfon và các chất chuyển hóa khác. Một lượng không đáng kể chất chuyển hóa sulfoxid được thải trừ qua mật.

## CHỈ ĐỊNH:

Nhiễm ký sinh trùng đường ruột như: giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc, giun lươn.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Có tiền sử dị ứng với các hợp chất loại benzimidazol hoặc một trong các thành phần của thuốc. Người có tiền sử nhiễm độc tủy xương. Phụ nữ có thai.

## THẬN TRỌNG:

Người bệnh có chức năng gan bất thường trước khi bắt đầu điều trị bằng albendazol cần phải cân nhắc cẩn thận vì thuốc bị chuyển hóa ở gan và đã thấy một số ít người bệnh bị nhiễm độc gan. Cũng cần thận trọng với các người bị bệnh về máu thận và phụ nữ cho con bú.

### TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Dexamethason: Nồng độ ổn định lúc thấp nhất trong huyết tương của albendazol sulfoxid cao hơn khoảng 50% khi dùng phối hợp thêm 8 mg dexamethason với mỗi liều albendazol (15 mg/kg/ngày).
- Praziquantel: Praziquantel (40 mg/kg) làm tăng nồng độ trung bình trong huyết tương và diện tích dưới đường cong của albendazol sulfoxid khoảng 50% so với dùng albendazol đơn độc (400 mg).
- Cimetidin: Nồng độ albendazol sulfoxid trong mật và trong dịch nang sán tăng lên khoảng 2 lần ở người bị bệnh nang sán khi dùng phối hợp với cimetidin (10 mg/kg/ngày) so với dùng albendazol đơn độc (20 mg/kg/ngày).

### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Khi điều trị thời gian ngắn (không quá 3 ngày) có thể thấy vài trường hợp bị khó chịu ở đường tiêu hóa (đau vùng thượng vị, tiêu chảy) và nhức đầu. Thông thường các tác dụng không mong muốn không nặng và hồi phục được mà không cần điều trị. Chỉ phải ngừng điều trị khi bị giảm bạch cầu (0,7%).

*Thường gặp:* Toàn thân: Sốt; Thần kinh trung ương: Nhức đầu, chóng mặt, biểu hiện ở não, tăng áp suất trong não; Gan: Chức năng gan bất thường; Dạ dày - ruột: Đau bụng, buồn nôn, nôn; Da: Rụng tóc (phục hồi được).

*Ít gặp:* Toàn thân: Phản ứng dị ứng; Máu: Giảm bạch cầu; Da: Ban da, mào đay; Thận: Suy thận cấp.

*Hiếm gặp:* Máu: Giảm bạch cầu hạt, giảm huyết cầu nói chung, mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu.

**Thông báo cho bác sĩ biết tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.**

### PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Không dùng cho phụ nữ có thai. Phụ nữ cho con bú nên thận trọng khi sử dụng.

**LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:** Không ảnh hưởng.

### QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Khi bị quá liều cần điều trị triệu chứng (rửa dạ dày, dùng than hoạt) và các biện pháp cấp cứu hồi sức chung.

### CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG:

Dùng theo hướng dẫn của thầy thuốc. Viên có thể nhai hoặc nuốt.

Chỉ định	Tuổi	Liều dùng	Thời gian điều trị
Giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc	Người lớn và trẻ em trên 2 tuổi	1 viên	Liều duy nhất
Giun lươn.	Người lớn	1 viên	1 liều/ngày x 3 ngày

### QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 1 vỉ x 1 viên nén bao phim.

Chai 100 viên nén bao phim; Chai 500 viên nén bao phim.

**BẢO QUẢN:** Để nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Viên nén bao phim **ADAZOL** đạt theo TCCS.
- Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.
- Sản xuất tại Nhà máy GMP - WHO số 930 C2, đường C, KCN Cát Lái, Q.2, TP. HCM.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**

601 Cách Mạng Tháng Tám, Q.10, TP. HCM

F.T. PHARMA

Điện thoại: 39770965 - 39770966 - 39770967 - 37422612

Fax: 39770968

Email: [duocpham32@ft-pharma.com](mailto:duocpham32@ft-pharma.com) Website: [www.ft-pharma.com](http://www.ft-pharma.com)